

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 36 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2019.

V/v “tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;

2. Bà Dương Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Tấn B, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 06 tháng 12 năm 2016. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn bất đồng với nhau trong cuộc sống do anh B thường xuyên cờ bạc, thế chấp tài sản, không lo làm ăn. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi. Từ đó,

cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 5 năm 2019 tới nay, trong thời gian ly thân chị và anh B không có gặp nhau để hòa giải hàn gắn gia đình được.

Tại phiên Tòa, chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B không có con chung

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có .

Bị đơn anh Trương Tấn B trình bày: Về cơ sở kết hôn thì chị D trình bày như trên là đúng. Anh, chị chung sống không hạnh phúc ly thân từ tháng 5 năm 2019 tới nay, trong thời gian ly thân anh và chị D không có gặp nhau để hòa giải hàn gắn đoàn tụ được. Anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Anh và chị D không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không có .

Anh B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Tấn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng theo **theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.**

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh B. Về con chung: Chị D, anh B trình bày không có. Về tài sản chung: Chị D, anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị D, anh B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Tấn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại **Khoản 1 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh B tự tạo hôn nhân, chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn, ngày 06 tháng 12 năm 2016, nên hôn nhân của chị D, anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và B vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn bất đồng với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 05 năm 2019 tới nay, trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua lời trình bày của chị D, cũng như biên bản lấy lời khai của anh B phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Xét thấy hôn nhân giữa chị D và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn, anh B cũng đồng ý. Do đó, căn cứ vào Điều **56** của Luật hôn nhân và gia đình **chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn** của chị D đối với anh B là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị D và anh B không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị D và anh B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, **Khoản 1 Điều 228** và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim D đối với anh Trương Tấn B

Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Trương Tấn B.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Chị D và anh B không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị D và anh B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022040 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Như tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Như tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Như tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Mai

